

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Ninh Thuận 05 năm 2016-2020.

Căn cứ Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 23/8/2016 của HĐND tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 05 Tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

1. Mục tiêu đầu tư

Trong giai đoạn 2016-2020 thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, ưu tiên đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội trọng điểm về giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị, y tế, giáo dục, chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

2. Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 6.140,499 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước theo công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 5.320,499 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương 2.271,417 tỷ đồng, gồm: Vốn trung ương cân đối cho địa phương 1.720,417 tỷ đồng, vốn thu tiền sử dụng đất 268 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2020 là 283 tỷ đồng.

+ Vốn Chương trình mục tiêu 2.605,591 tỷ đồng, gồm: Vốn trong nước 2.111,9 tỷ đồng và vốn ngoài nước 493,691 tỷ đồng.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư phát triển): 443,491 tỷ đồng, gồm: Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững 252,511 tỷ đồng và Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới 190,98 tỷ đồng.

- Các nguồn vốn khác: 820 tỷ đồng, gồm: (1) Tăng thu ngân sách tỉnh hằng năm bổ sung vào nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương 350 tỷ đồng; (2) vốn vay tín dụng ưu đãi đầu tư kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề và nuôi trồng thủy sản 400 tỷ đồng; (3) vốn xổ số kiến thiết đã giao trong kế hoạch năm 2016 là 70 tỷ đồng.

3. Phương án phân bổ các nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương 2.691,417 tỷ đồng (bao gồm cả vốn dự kiến tăng thu ngân sách 350 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết đã giao trong kế hoạch năm 2016 là 70 tỷ đồng), trong đó:

- Trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi: 569 tỷ đồng, trong đó trả nợ các khoản vay trong giai đoạn 2011-2015 là 409 tỷ đồng và các khoản vay trong giai đoạn 2016-2020 là 160 tỷ đồng.

- Thanh toán công trình hoàn thành: 244,498 tỷ đồng/79 công trình;

- Đối ứng các dự án ODA: 206 tỷ đồng/29 dự án, trong đó công trình chuyển tiếp 85,25 tỷ đồng/7 dự án và dự án mới 116,35 tỷ đồng/26 dự án.

- Đối ứng các công trình đầu tư từ nguồn vốn chương trình mục tiêu: 432,056 tỷ đồng/22 công trình, trong đó công trình chuyển tiếp 244 tỷ đồng/13

công trình và khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 là 188,056 tỷ đồng/9 công trình.

- Các nội dung khác: 667 tỷ đồng, trong đó: Chuẩn bị đầu tư 80 tỷ đồng, hỗ trợ Quốc phòng an ninh 120 tỷ đồng, đo đạc bản đồ cấp quyền sử dụng đất 10 tỷ đồng, bổ sung vốn cho Quỹ đầu tư Phát triển 27 tỷ đồng và phân cấp các huyện, thành phố 430 tỷ đồng.

- Thực hiện dự án: 345,721 tỷ đồng/54 công trình, trong đó công trình chuyển tiếp 198,516 tỷ đồng/31 công trình và khởi công mới 147,205 tỷ đồng/23 công trình.

- Dự phòng: 227,142 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn Chương trình mục tiêu: 2.605,591 tỷ đồng, gồm: vốn trong nước 2.111,9 tỷ đồng, vốn ngoài nước 493,691 tỷ đồng, bố trí như sau:

- Thanh toán công trình hoàn thành 120,211 tỷ đồng/12 công trình, trong đó vốn trong nước 103,759 tỷ đồng/9 công trình và vốn ngoài nước 16,452 tỷ đồng/3 công trình.

- Công trình chuyển tiếp: 1.126,378 tỷ đồng/23 công trình, trong đó vốn trong nước 755,43 tỷ đồng/16 công trình và vốn ngoài nước 370,948 tỷ đồng/7 công trình.

- Công trình khởi công mới: 1.359,002 tỷ đồng/29 công trình, trong đó vốn trong nước 1.252,711 tỷ đồng/12 công trình và vốn ngoài nước 106,291 tỷ đồng/17 công trình.

c) Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 443,491 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững 252,511 tỷ đồng, trong đó:

+ Thanh toán công trình hoàn thành: 52,541 tỷ đồng/70 công trình.

+ Công trình chuyển tiếp: 22,9 tỷ đồng/5 công trình.

+ Công trình khởi công mới: 177,07 tỷ đồng/84 công trình.

- Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới 190,98 tỷ đồng, trong đó:

+ Thanh toán công trình hoàn thành: 0,35 tỷ đồng/02 công trình

+ Khởi công mới: 190,98 tỷ đồng/ 7 huyện, thành phố.

d) Nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi : 400 tỷ đồng, trong đó:

- Thanh toán công trình hoàn thành: 9,479 tỷ đồng/18 công trình.

- Công trình chuyển tiếp: 43,574 tỷ đồng/32 công trình.

- Công trình khởi công mới: 306,947 tỷ đồng/02 lĩnh vực.

- Dự phòng 10% là 40 tỷ đồng.

4. Ban hành kèm theo Nghị quyết này 05 phụ lục chi tiết

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Những nguồn vốn chưa có danh mục phân bổ vốn cụ thể, khi Chính phủ và các Bộ, ngành có quyết định chính thức, đề nghị UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thông qua để có căn cứ triển khai thực hiện. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh Ủy ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thanh

Nguyễn Đức Thanh



Phụ lục I

BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số **56**/2016/NQ-HĐND ngày **14**/12/2016 của HĐND Tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Tổng vốn 2016-2020 theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016)	Dự kiến tổng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
	Tổng số	5.320.499	6.140.499	
I	Vốn Xây dựng cơ bản tập trung	2.271.417	2.691.417	
1	Trung ương cân đối	2.271.417	2.271.417	
	- Vốn TW cân đối	1.720.417		
	- Thu tiền SD đất	268.000		
	- Thu xổ số kiến thiết	283.000		
2	Tỉnh giao bổ sung		420.000	
	- Vốn tăng thu, kết dư ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung vào vốn đầu tư		350.000	
	- Vốn thu xổ số kiến thiết đã giao trong KH 2016		70.000	
II	Chương trình mục tiêu	2.605.591	2.605.591	
1	Vốn trong nước	2.111.900	2.111.900	
2	Vốn nước ngoài	493.691	493.691	
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia (ĐTPT)	443.491	443.491	
1	Chương trình Giảm nghèo bền vững	252.511	252.511	
2	Chương trình Xây dựng nông thôn mới	190.980	190.980	
IV	Dự kiến Vay vốn tín dụng ưu đãi		400.000	



[Handwritten signature]

Phụ lục II

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND Tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ		2.691.417	
	- Trong đó: Vốn TW cân đối		1.720.417	Theo TB của Bộ KHĐT
	Thu tiền đất của các địa phương (Giai đoạn 2016-2020 theo TW thông báo 268 tỷ)		268.000	
	Tăng thu ngân sách địa phương		350.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết		353.000	Kể cả 70 tỷ đồng đã giao KH năm 2016
	Phân bổ như sau:			
I	DỰ PHÒNG 10%		227.142	Chi tính phần vốn Trung ương giao
II	TRẢ NỢ VAY		569.000	
	Trong đó: - Trả nợ vay giai đoạn 2011-2015		409.000	Hiện còn nợ 291 tỷ đồng
	- Trả nợ vay giai đoạn 2017-2020 (vay 400 tỷ đồng, bình quân vay 100 tỷ đồng/năm)		160.000	
III	THANH TOÁN NỢ XDCB (79 công trình)		244.498	Công trình có quyết toán bố trí 100%, chưa quyết toán bố trí đến 95% TMĐT
a	Thanh toán nợ các công trình đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung (19 công trình)		48.768	
1	Công trình nâng cấp sân đường nội bộ Đài Phát thanh và Truyền hình Tỉnh	Đài Phát thanh và Truyền hình	363	Đã Quyết toán
2	Trụ sở làm việc Trung tâm Thông tin ứng dụng tiên bộ KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	1.087	Đã Quyết toán
3	Xây dựng mới trụ đèn báo bão Mỹ Tân	Chi cục Thủy lợi	22	Đã Quyết toán
4	Trường THCS Phước Hà	UBND huyện Thuận Nam	2.006	Đã quyết toán
5	Phòng thí nghiệm kiểm định thuộc dự án tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình	Sở Xây dựng	860	Đã quyết toán
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp	Đảng ủy khối doanh nghiệp	193	Đã quyết toán
7	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bệnh viện huyện Ninh Phước	Sở Y tế	30	Đã quyết toán
8	Kiên cố hóa kênh mương từ Bệnh viện huyện ra Đầm Nai	UBND huyện Ninh Hải	700	Đã quyết toán
9	Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	206	Đã quyết toán
10	Trụ sở Công an phường Văn Hải	Công an tỉnh	106	Đã quyết toán
11	Nhà tuồng niệm Cụ Trần Thị	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	330	
12	Trụ sở Sở Thông tin truyền thông	Sở Thông tin truyền thông	1.082	
13	Trường mẫu giáo Vĩnh Hải (cơ sở Vĩnh Hy)	UBND huyện Ninh Hải	1.000	

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
14	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Chi cục Lâm nghiệp lâm văn phòng làm việc dự án Jica 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	717	
15	Hội trường UBND xã Phước Ninh	UBND huyện Thuận Nam	263	
16	Tái định cư hệ thống thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải thành phố PRTC	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	5.854	
17	Doanh trại Trường Quân sự địa phương - Hạng mục: Nhà ở học viên 100 chỗ	BCH Quân sự tỉnh	1.000	
18	Kiến cổ hòa mương Bầu Xã Phước Thuận	UBND huyện Ninh Phước	3.949	
19	Hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ văn hóa quần thể Quảng trường - Tượng đài - Nhà bảo tàng tỉnh	UBND thành phố PRTC	29.000	
b	Thanh toán các công trình đầu tư từ nguồn vốn XSKT (20 công trình)		18.539	
20	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp Phan Rang	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp Phan Rang	116	Đã quyết toán
21	Trường THCS Phước Đại	Sở Giáo dục và Đào tạo	62	Đã quyết toán
22	Xây dựng nhà vệ sinh cho các trường học năm 2014	Sở Giáo dục và Đào tạo	54	Đã quyết toán
23	Cổng, tường rào, sân nền trường THPT Phan Bội Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	82	Đã quyết toán
24	Nâng cấp trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	791	Đã quyết toán
25	Trường THPT Phước Đại	Sở Giáo dục và Đào tạo	69	Đã quyết toán
26	Trường THPT Nhơn Hải (dự án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012)	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.464	Đã quyết toán
27	Trường Tiểu học Hoài Nhơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	185	Đã quyết toán
28	Trường THCS Ngô Quyền, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	394	Đã quyết toán
29	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Sơn	Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Sơn	368	Đã quyết toán
30	Trường THPT Nhơn Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	341	
31	Trạm y tế phường Mỹ Hải	UBND thành phố PRTC	1.300	
32	Trường THCS Lý Tự Trọng	UBND thành phố PRTC	1.300	
33	Trường mẫu giáo Phước Thái, xã Phước Thái (Hạng mục: Xây mới 04 phòng học, 02 phòng hiệu bộ và 02 phòng bộ môn và công trình phụ)	UBND huyện Ninh Phước	1.400	
34	Trường THCS Phan Bội Châu	UBND huyện Ninh Phước	2.000	
35	Trường mẫu giáo Phước Nam	UBND huyện Thuận Nam	1.453	
36	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Thuận Nam	1.300	
37	Trường tiểu học Hòa Sơn A	UBND huyện Ninh Sơn	1.498	
38	Trường tiểu học Lâm Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	362	
c	Thanh toán nợ các công trình đầu tư từ nguồn vốn HTMT (42 công trình)		177.191	
39	Bãi Rùa đẻ Thái An	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	421	Đã Quyết toán
40	Khu du lịch Văn hóa Tháp Poklong Giarai	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	93	Đã Quyết toán
41	Hạ tầng giao thông chiếu sáng thuộc dự án hạ tầng kỹ thuật Trung tâm du lịch Vĩnh Hy	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	13	Đã Quyết toán
42	Hạ tầng du lịch tại chân tháp Poklong Garai	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	34	Đã Quyết toán
43	Tượng đài 16/4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	116	Đã Quyết toán
44	Tu bổ và phục hồi nhóm tháp Hòa Lai	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	475	Đã Quyết toán

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
45	Bao tồn, tu bổ và tôn tạo di tích tháp Porome	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	3.550	Đã Quyết toán
46	Quang trường tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	874	
47	Bao tàng tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	703	
48	Cụm kho hậu cần kỹ thuật Bộ Chỉ huy quân sự	BCH Quân sự tỉnh	90	Đã Quyết toán
49	Cải tạo các phòng chức năng và mặt sân có Sân vận động tỉnh năm 2013	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	393	Đã Quyết toán
50	Dự án di dân, tái định cư vùng sạt lở bờ sông Ông, thôn Tâm Ngân	Chi cục Phát triển nông thôn	4.767	Đã Quyết toán
51	Đê bảo vệ bờ biển khu vực Đầm Vua	Chi cục Thủy lợi	9.693	Đã Quyết toán. Hoàn thành năm 2014
52	Nâng cấp đê bờ bắc Sông Dinh (giai đoạn xử lý khẩn cấp)	Chi cục Thủy lợi	20.846	Đã quyết toán - Hoàn thành năm 2012. KPLL năm 2011 đoạn từ Trường Nguyễn Trãi đến Cầu Đá Bạc phường Mỹ Đông
53	Gia cố bờ sông Quao	Chi cục Thủy lợi	1.310	Đã quyết toán - Hoàn thành năm 2013
54	Kè chống sạt lở Cầu Móng	Chi cục Thủy lợi	3.871	Đã quyết toán - Hoàn thành năm 2012
55	Kè chống sạt lở bờ Sông Lu II	Chi cục Thủy lợi	18	Đã quyết toán
56	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Khánh Hội	Chi cục Thủy lợi	3.852	Đã quyết toán - Hoàn thành năm 2012
57	Tu sửa kè mô hàn trên hệ thống đê Sông Dinh	Chi cục Thủy lợi	2	Đã Quyết toán
58	Kè chống sạt lở các đoạn bờ hữu Sông Cái Phan Rang	Chi cục Thủy lợi	920	Đã Quyết toán
59	Dự án CCN Thành Hải mở rộng	BQL các Khu công nghiệp	4.441	Đã Quyết toán
60	Dự án CCN Tháp Chàm	BQL các Khu công nghiệp	274	
61	Dự án Khu nuôi Tôm trên cát An Hải	BQL dự án ngành nông nghiệp	1.887	Đã Quyết toán
62	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	161	Đã Quyết toán
63	Các công trình cấp nước sạch nông thôn (Nâng cấp, mở rộng đường ống cấp nước xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn; HTCN sinh hoạt khu thị tứ Phước Hậu, huyện Ninh Phước; Nâng cấp mở rộng HTCN Ma Nới)	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	724	Đã quyết toán
64	Dự án Hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ	BQL dự án ngành nông nghiệp	45.370	
65	Hệ thống Kênh cấp II, III thuộc hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ	BQL dự án ngành nông nghiệp	7.333	
66	Dự án Hồ chứa nước Lanh Ra	BQL dự án ngành nông nghiệp	10.131	
67	Hạng mục di dời tuyến cấp quang ngầm của Viễn thông Ninh Thuận trên đường 21/8 thuộc Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền trung - tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận	Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận	5.769	Đã Quyết toán
68	Xây dựng Hệ thống thoát nước Phước Dân, huyện Ninh Phước	Sở Xây dựng	7.241	Đã Quyết toán

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
59	Nâng cấp đường đi thôn Ma Lâm	Sở Giao thông Vận tải	31	Đã Quyết toán
70	Đường QL27 đi Ma Nối	Sở Giao thông Vận tải	5.384	Đã Quyết toán
71	Đường huyện lộ 6 (Tri Thủy-Bình Nghĩa-Xóm Bông)	Sở Giao thông Vận tải	1.958	Hoàn thành năm 2014
72	Nhà làm việc Vườn quốc gia Phước Bình	VQG Phước Bình	48	Đã Quyết toán
73	Văn phòng đại diện Vườn quốc gia Phước Bình	VQG Phước Bình	8	Đã Quyết toán
74	Mở rộng, nâng cấp đường đến khu du lịch Ninh Chữ-Bình Sơn (đường Trường Chinh)	UBND thành phố PRTC	16.619	
75	Dự án Nâng cao năng lực quản lý nguồn nước, dịch vụ công và CCHC tỉnh Ninh Thuận	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	10.836	
76	Đường đi khu sản xuất Trà co 1 - Mã Tiền xã Phước Tiến	UBND huyện Bác Ái	381	
77	Đường đi khu sản xuất thôn Bồ Lang xã Phước Bình	UBND huyện Bác Ái	1.599	
78	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng hệ thống thủy lợi Trà co	UBND huyện Bác Ái	1.057	
79	Đường đi khu sản xuất suối rùa xã Phước Tiến	UBND huyện Bác Ái	1.400	
80	Khối B (Khối lớp học đặc biệt) Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Thuận	Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Thuận	2.498	
IV	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA		206.000	
a	Đối ứng các dự án chuyển tiếp (7 công trình)		89.650	Bổ trí đến 92-99% tổng vốn đối ứng từ ngân sách địa phương
1	Trường trung cấp nghề tỉnh Ninh Thuận	Trường Cao đẳng nghề	27.000	Hoàn thành năm 2017, Bổ trí theo nhu cầu vốn còn lại
2	Dự án Phát triển nông nghiệp bền vững (Hỗ trợ tam nông tỉnh Ninh Thuận)	Ban Điều phối dự án Hỗ trợ tam nông	13.500	Hoàn thành năm 2017, Bổ trí theo nhu cầu vốn còn lại
3	Dự án Nâng cấp dê bờ Bắc sông Dinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24.000	Bổ trí 99% tổng vốn đối ứng NSDP
4	Dự án "Quản lý nguồn nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với Biến đổi khí hậu tại tỉnh Ninh Thuận".	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	11.000	Bổ trí 92% tổng vốn đối ứng NSDP
5	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.000	Bổ trí 95% tổng vốn đối ứng NSDP
6	Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.400	Bổ trí 99% tổng vốn đối ứng NSDP
7	Dự án JBIC	Ban quản lý dự án vốn JBIC	1.750	Chi phí hoạt động BQL dự án
b	Đối ứng các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 (26 công trình)		116.350	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
b.1	<i>Dự án đã ký Hiệp định</i>		62.500	Dự án có vốn đối ứng dưới 5 tỷ đồng, bố trí 100%; Vốn đối ứng dưới 50 tỷ đồng, bố trí 70%. Riêng dự án có nhu cầu vốn đối ứng lớn 325.59 tỷ đồng, thì bố trí 5% TMĐT theo báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh
1	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung - Khoản vay bổ sung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31.500	
2	Dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Ninh Thuận" (11 hồ chứa) - WB8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.100	
3	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải cho thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	23.000	Theo báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh
4	Dự án quản lý tài sản đường địa phương (L.RAMT)	Sở Giao thông Vận tải	1.800	
5	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Sở Y tế	2.100	
b.2	<i>Dự án được Thủ tướng Chính phủ, nhà tài trợ đồng ý bổ sung danh mục</i>		47.100	Bố trí 15% nhu cầu đối ứng. Riêng 2 dự án có nhu cầu đối ứng lớn, đang lập FS, thì bố trí từ 4-7% nhu cầu.
1	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững - CRSD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800	
2	Xây dựng hạ tầng phục vụ vùng sản xuất rau sạch an toàn tập trung xã An Hải huyện Ninh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.550	
3	Dự án Quản lý thiên tai WB5 bổ sung tiêu dự án Nâng cấp, mở rộng Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.550	
4	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	3.000	
5	Dự án Phát triển đô thị bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tại các thành phố của 3 tỉnh	Sở Xây dựng	20.000	Lập FS
6	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	19.200	- nt-
b.3	<i>Các dự án khác</i>		6.750	
1	Tăng cường năng lực quản lý lưu vực sông thông qua phát triển thủy lợi bền vững có sự tham gia (PIM) trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
2	Dự án Quản lý tổng hợp nước, đất và dinh dưỡng cho các hệ thống canh tác bền vững ở vùng duyên hải Nam Trung bộ và Ôt-xtrây-li-a	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
3	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Ninh Thuận nhằm ứng phó với BĐKH (AFD)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán do ADB tài trợ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
5	Hệ thống liên thông hồ chứa từ cuối Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ tới hồ Bà Râu và hồ Sông Trâu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
6	Hệ thống liên thông hồ chứa từ hồ Sông Than tới hồ Lanh Ra, Tà Ranh và Bầu Zôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
7	Dự án xây dựng kênh tiếp nước từ hồ Tân Giang qua hồ Sông Biều	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
8	Kiên cố hóa kênh Lâm Cẩm, Tân Hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
9	Dự án thí điểm đầu tư tưới nước nhỏ giọt phục vụ nông nghiệp ứng phó với tình hình hạn hán tỉnh Ninh Thuận	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước		
0	Dự án thí điểm đầu tư tưới nước nhỏ giọt phục vụ phát triển cây xanh đô thị thành phố PRTC	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước		
1	Dự án cân bằng nước - do WB tài trợ	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước		
2	Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước		
3	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh, nước sạch nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - WB3 (để nghị bổ sung tỉnh Ninh Thuận)	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước		
4	Dự án cơ sở hạ tầng huyện Ninh Hải và Ninh Sơn (OFID)	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
5	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (kể cả đầu tư các chuyên khoa tim mạch, ung bướu và khoa y học hạt nhân đạt chuẩn quốc tế)	Bệnh viện tỉnh		
V	ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		432.056	
a	Đối ứng các dự án chuyển tiếp (13 dự án)		244.000	Bổ trí đến 90% vốn đối ứng từ NSĐP
1	Đường Thạch Hà - Huyện đội	UBND huyện Ninh Sơn	4.900	
2	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	Sở Lao động thương binh và Xã hội	20.000	
3	Trung tâm công tác xã hội tỉnh	Sở Lao động thương binh và Xã hội	1.200	
4	Mở rộng Trung tâm y tế dự phòng	Trung tâm y tế dự phòng	7.000	
5	Đường đi bộ ven biển khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	18.000	
6	Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di tích tháp Porome	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	5.900	
7	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân, huyện Bác Ái	UBND huyện Bác Ái	12.000	
8	Nâng cấp đường Phước Đại - Phước Trung huyện Bác Ái	Sở Giao thông Vận tải	30.000	
9	Đường Ba Tháp - Suối Le-Phước Kháng	Sở Giao thông Vận tải	40.000	
10	Dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn đồng bào dân tộc thiểu số Raglai thôn Xóm Bàng giai đoạn 2014-2017 và định hướng đến năm 2020	UBND huyện Thuận Bắc	20.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
11	Nâng cấp mở rộng bến cá Mỹ Tân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40.000	
12	Khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái (Cảng cá Đông Hải)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30.000	
13	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná, huyện Thuận Nam	Chi cục Phát triển nông thôn	15.000	
b	Đổi ứng các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 (14 dự án)		188.056	
14	Đường vành đai phía Đông Nam giai đoạn I	Sở Giao thông Vận tải		
15	Đường đôi vào hai đầu thành phố (đoạn phía nam)	Sở Xây dựng		
16	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	Sở Giao thông Vận tải		
17	Kho lưu trữ chuyên dụng	Sở Nội vụ		
18	Hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc theo hướng phát triển bền vững	UBND huyện Thuận Bắc		
19	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		
20	Đường 704, xã Thành Hải, thành phố PR-TC	Sở Giao thông Vận tải		
21	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành	BQL các Khu công nghiệp		
22	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng khu giống thủy sản tập trung An Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
23	Cụm Công nghiệp Quảng Sơn	BQL các Khu công nghiệp		
24	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực từ xã Nhơn Hải đến Thanh Hải	Chi cục Thủy lợi		
25	Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin tỉnh Ninh Thuận	Sở Thông tin truyền thông		
26	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm cai nghiện bắt buộc thành trung tâm cai nghiện tổng hợp đa chức năng	Sở Lao động, Thương binh và xã hội		
27	Trung tâm huấn luyện kỹ năng, hoạt động dã ngoại Thanh thiếu niên	Tỉnh đoàn		Đổi ứng vốn Trung ương Đoàn (Thủ tướng CP phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 585/QĐ-TTg ngày 06/4/2016, thực hiện 2018-2022)
VI	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		80.000	
VII	HỖ TRỢ QPAN		120.000	
	BCH Quân sự tỉnh		60.000	KH 2016-2020 Thực hiện công trình đường hầm chiến đấu 27 tỷ, đền bù công trình Trường bắn, 55 tỷ
	Công an tỉnh		40.000	
	Biên phòng tỉnh		20.000	
III	PHÂN CẤP VÀ HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, TP		430.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
	Trong đó:			
	- Số vốn phân cấp theo tiêu chí		410.000	Vốn phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí (1.776.275 tỷ) sau trừ trả nợ vay 569 tỷ đồng, cơ cấu GDDT và KHCN khoảng 190,317 tỷ đồng, vốn TW cân đối còn lại bố trí cho cấp huyện 40%
	Phan Rang - Tháp Chàm (20,14%)		82.586	Phân bổ chi tiết theo nguyên tắc: ưu tiên bố trí thanh toán nợ đọng XDCB, vốn chuẩn bị đầu tư, các dự án chuyển tiếp
	Huyện Ninh Phước (13,97%)		57.288	
	Huyện Ninh Sơn (13,97%)		57.288	
	Huyện Thuận Nam (13,33%)		54.665	
	Huyện Ninh Hải (13,26%)		54.378	
	Huyện Thuận Bắc (12,9%)		52.902	
	Huyện Bác Ái (12,41%)		50.893	
	- Sửa chữa các công trình ghi công liệt sĩ (Đài tưởng niệm liệt sĩ)		20.000	Theo QĐ 19/2016/QĐ-UBND ngày 19/4/16 thì tổng vốn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện Sửa chữa các công trình ghi công liệt sĩ giai đoạn 16-20 là 33,4 tỷ đồng, mỗi năm hỗ trợ 6,68 tỷ đồng. Dự kiến tỉnh hỗ trợ 60%, khoảng 4 tỷ đồng, số còn lại bố trí từ ngân sách huyện
	Huyện Bác Ái		10.600	
	Huyện Thuận Nam		9.400	
IX	Dự án đo đạc bản đồ cấp quyền sử dụng đất		10.000	
X	Quỹ đầu tư phát triển		27.000	Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND Tỉnh thì trích 10% tiền SDD, mức trích cụ thể do HĐND tỉnh quyết định
XI	Thực hiện dự án		345.721	
a	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020		198.516	Bố trí đến từ 90-95% TMĐT
	- Các công trình đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung (16 dự án)		80.379	
1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình thuộc khu Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	6.300	
2	Trụ sở làm việc Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	7.100	
3	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	2.500	
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	3.900	
5	Đường giao thông đi khu sản xuất Ma Rớ xã Phước Thành	UBND huyện Bác Ái	6.900	KH năm 2016 bố trí thanh toán gđ1

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
6	Trường tiểu học Phú Nhuận	UBND huyện Ninh Phước	3.000	
7	Trường tiểu học Bình Quý	UBND huyện Ninh Phước	4.500	
8	Trường mẫu giáo Phước Diêm (8 phòng) và các hạng mục phụ trợ khác	UBND huyện Thuận Nam	3.600	
9	Trường mẫu giáo Khánh Hải	UBND huyện Ninh Hải	7.800	
10	Trường Dân tộc nội trú huyện Ninh Phước	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.000	
11	Trung tâm văn hóa Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	10.000	
12	Trạm Nông nghiệp Tổng hợp huyện Thuận Nam	Trung tâm Khuyến nông, khuyến ngư tỉnh	7.000	
13	Gia cố, bảo trì cột tháp Ấng - ten Đài Phát thanh và truyền hình	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	1.900	
14	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND huyện Ninh Phước	740	
15	Trường mẫu giáo Lâm Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	2.270	
16	Trường tiểu học Lạc Nghiệp	UBND huyện Thuận Nam	2.869	
	- Các công trình đầu tư từ nguồn vốn XSKT (15 dự án)		118.137	
17	Dự án phát triển giáo dục THPT giai đoạn 2 (5 trường Nguyễn Huệ, Phan Bội Châu, Ninh Hải, Nguyễn Du và Phạm Văn Đồng)	BQL dự án phát triển giáo dục THPT giai đoạn 2 tỉnh Ninh Thuận - Sở Giáo dục - Đào tạo	2.400	
18	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Thuận	Sở Giáo dục và Đào tạo	22.842	
19	Nhà trực cho đội ngũ chuyên gia, bác sỹ tại Bệnh viện tỉnh	Bệnh viện tỉnh	695	
20	Làng thanh niên lập nghiệp xã Phước Đại	Tỉnh Đoàn	9.000	
21	Công trình công đồng phòng tránh thiên tai Trường mẫu giáo Bắc Sơn	Chi cục Thủy lợi	3.400	
22	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm mỹ phẩm và Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế	8.300	
23	Nâng cấp sân vận động tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	8.000	
24	Trường THPT Chu Văn An (hạng mục Sân tập thể dục thể thao)	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.500	
25	Trường THPT Dân tộc nội trú Tỉnh, hạng mục: Khu nội trú Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.000	
26	Trang thiết bị các Trạm y tế các xã, phường	Sở Y tế	5.900	
27	Xây dựng Trạm y tế xã Phước Hậu	Sở Y tế	5.000	
28	Trường tiểu học xã Phước Chiến	UBND huyện Thuận Bắc	7.500	
29	Xây dựng trạm y tế xã Phước Kháng	UBND huyện Thuận Bắc	5.600	
30	Trường Mầm non Phước Dinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	14.000	
31	Trường tiểu học Văn Hải 2	UBND thành phố PRTC	14.000	
b	Khởi công mới giai đoạn 2017-2020 (23 dự án)		147.205	- Ưu tiên bố trí vốn các công trình bức xúc; Công trình có cơ cấu của TTg; Công trình phòng tránh thiên tai; Hướng tới xã đạt chuẩn nông thôn mới - Bố trí đến 90% TMĐT

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận	Bệnh viện Y dược cổ truyền	4.000	Hỗ trợ đền bù
2	Dự án tăng cường trang thiết bị đo lường thử nghiệm và phân tích kiểm nghiệm	Sở Khoa học và Công nghệ	10.400	
3	Chỉnh trang sân vườn, bổ sung các hạng mục phụ trợ khu vực cơ quan Ủy ban Kiểm tra và Ban Dân Vận Tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	3.500	
4	Chương trình giáo dục THCS vùng khó khăn nhất (7 trường THCS: Võ Văn Kiệt, Hà Huy Tập, Trương Văn Ly, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Huệ, Nguyễn Văn Linh, Phan Bội Châu)	Sở Giáo dục và Đào tạo	16.200	
5	Sửa chữa ký túc xá Trường cao đẳng sư phạm Ninh Thuận	Trường cao đẳng sư phạm Ninh Thuận	3.300	
5	Sửa chữa công tường rào Trường cao đẳng sư phạm Ninh Thuận	Trường cao đẳng sư phạm Ninh Thuận	830	
7	Khởi lập học. Thư viện, mương thoát nước ngoài nhà, sân bê tông Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	9.800	
3	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai Trường Mẫu giáo Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, huyện Thuận	Chi cục Thủy lợi	3.600	
3	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai trường mẫu giáo Phước Hữu, huyện Ninh Phước	Chi cục Thủy lợi	2.700	
0	Trường THPT Phạm Văn Đồng (hạng mục Khởi phòng học bộ môn, Nhà học TĐTT đa năng; Công chính; Nhà bảo vệ; Hệ thống PCCC; Sân	Sở Giáo dục và Đào tạo	9.000	
1	Xây mới trụ đèn báo bão Sơn Hải, Phước Dinh	Chi cục Thủy lợi	450	
2	Xây mới trụ đèn báo bão Đông Hải, TP PRTC	Chi cục Thủy lợi	430	
3	Cột thu lôi chống sét tại vùng đất đồng thôn Phú Nhuận, Ninh Phước	Chi cục Thủy lợi	520	
4	Trạm y tế phường Đông Hải	Sở Y tế	2.300	
5	Trạm y tế xã An Hải	Sở Y tế	2.100	
6	Tuyến công thoát nước kích thước 2000x000 giải quyết ngập nước khu vực thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải	Sở Xây dựng	11.700	
7	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai trường mẫu giáo Công Hải, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc	Chi cục Thủy lợi	3.100	
8	Dự án công nghệ thông tin các cơ quan Đảng Tỉnh Ninh Thuận	Văn phòng Tỉnh ủy	11.700	
9	Cải tạo, mở rộng trung tâm sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	9.000	
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục Xây mới Khoa nội tổng hợp)	Bệnh viện tỉnh	20.575	Hoàn thành sau năm 2020
0	Trụ sở làm việc Ban quản lý các Khu công nghiệp	Ban quản lý các Khu công nghiệp	12.000	Hoàn thành sau năm 2020
2	Trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở TN và Môi trường tỉnh NT.	Sở TN và Môi trường tỉnh NT.	10.000	Hoàn thành sau năm 2020

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến KH 2016-2020	Ghi chú
23	Đường Ma Nôi - Tả Nôi	Tỉnh Đoàn		Đầu tư từ nguồn vốn cơ chế đặc thù, vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn vượt thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác



Phụ lục III

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

*(Kèm theo Nghị quyết số **56** /2016/NQ-HĐND ngày **14** /12/2016 của HĐND Tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
	TỔNG SỐ		2.605.591	2.111.900	493.691	
I	Chương trình hỗ trợ phát triển KT-XH các vùng		1.326.717	1.326.717		
a	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016</i>		16.159	16.159		
1	Cầu Ninh Chữ	Sở Giao thông vận tải	13.838	13.838		
2	Hạ tầng TTHC huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	321	321		
3	Đường N4-2 huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	2.000	2.000		
b	<i>Dự án hoàn thành năm 2017</i>		34.347	34.347		
4	Dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống kênh tưới hồ Bà Râu phục vụ cảnh đồng Nhíp	UBND huyện Thuận Bắc	16.847	16.847		
5	Đường Thạch Hà - Huyện đội	UBND huyện Ninh Sơn	5.500	5.500		
6	Cơ sở hạ tầng khu trung tâm huyện Thuận Nam (gđ 2)	UBND huyện Thuận Nam	12.000	12.000		
	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2017</i>		940.211	940.211		
7	Nâng cấp đường Phước Đại - Phước Trung huyện Bác Ái	Sở Giao thông vận tải	52.500	52.500		
8	Đường Ba Tháp - Suối Le-Phước Kháng	Sở Giao thông vận tải	83.000	83.000		
9	Nâng cấp mở rộng bến cá Mỹ Tân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35.000	35.000		
10	Dự án các tuyến đường giao thông nông thôn liên xã huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	75.000	75.000		
11	Hệ thống kênh cấp II, III và nâng cấp tuyến đường quản lý Hồ Sông Biêu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65.000	65.000		

tc

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
12	Hệ thống kênh mương cấp II, III Lanh Ra.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	81.000	81.000		
13	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Sơn Hải	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	8.711	8.711		
14	Đập hạ lưu Sông Dinh	Chi cục Thủy lợi	440.000	440.000		
15	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân, huyện Bắc Ái	UBND huyện Bắc Ái	100.000	100.000		
	Chuẩn bị đầu tư		336.000	336.000		
16	Đường vành đai phía Đông Nam giai đoạn I	Sở Giao thông vận tải				
17	Đường đôi vào hai đầu thành phố (đoạn phía nam)	Sở Xây dựng				
18	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Ninh Thuận.	Sở Nội vụ				
19	Đường Văn lâm - Sơn Hải	Sở Giao thông vận tải				
20	Đường 704, xã Thành Hải, thánh phố Phan Rang - Tháp Chàm	Sở Giao thông vận tải				
II	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thủy sản bền vững		112.000	112.000		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016		15.000	15.000		
1	Khu nuôi tôm công nghiệp Sơn Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	15.000		
b	Dự án hoàn thành năm 2017		12.000	12.000		
2	DA xây dựng Trại thực nghiệm giống thủy sản	Trung tâm giống hải sản cấp I Ninh Thuận	12.000	12.000		
c	Dự án hoàn thành sau năm 2017		85.000	85.000		
3	Khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái (Cảng cá Đông Hải)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85.000	85.000		
c	Chuẩn bị đầu tư					
4	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng khu giống thủy sản tập trung An Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
III	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững		185.000	185.000		
a	Dự án hoàn thành năm 2017		4.000	4.000		
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Ninh Thuận	Chi cục Kiểm lâm	1.500	1.500		
2	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng Vườn Quốc gia Núi Chúa	Vườn Quốc gia Núi Chúa	2.500	2.500		
b	Dự án hoàn thành sau năm 2017		181.000	181.000		
3	Dự án phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị quản lý	26.000	26.000		
4	Vườn Quốc gia Núi Chúa	Vườn Quốc gia Núi Chúa	103.000	103.000		
5	Vườn Quốc gia Phước Bình	Vườn Quốc gia Phước Bình	52.000	52.000		
IV	Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		131.200	131.200		
a	Dự án hoàn thành sau năm 2017		81.200	81.200		
1	Dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn đồng bào dân tộc thiểu số Raglai thôn Xóm Bằng giai đoạn 2014-2017 và định hướng đến năm 2020.	UBND huyện Thuận Bắc	58.200	58.200		
2	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná, huyện Thuận Nam	Chi cục Phát triển nông thôn	23.000	23.000		
c	Chuẩn bị đầu tư		50.000	50.000		
3	Hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc theo hướng phát triển bền vững	UBND huyện Thuận Bắc				
4	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực từ xã Nhơn Hải đến Thanh Hải	Chi cục Thủy lợi				
V	Chương trình hỗ trợ đầu tư khu công nghiệp và cụm công nghiệp		90.000	90.000		
a	Dự án hoàn thành sau năm 2017		90.000	90.000		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
1	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	BQL các Khu công nghiệp	90.000	90.000		
<i>b</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					
2	Cụm Công nghiệp Quảng Sơn	BQL các Khu công nghiệp				
VI	Chương trình mục tiêu về y tế và dân số		13.500	13.500		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016		13.500	13.500		
1	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	5.200	5.200		
2	Mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	8.300	8.300		
VII	Chương trình mục tiêu về y tế địa phương		15.483	15.483		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016		15.483	15.483		
1	Mở rộng Trung tâm y tế dự phòng	Trung tâm y tế dự phòng	3.916	3.916		
2	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Nam	UBND huyện Thuận Nam	11.567	11.567		
<i>b</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận	Bệnh viện Y dược cổ truyền				
VIII	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch		21.500	21.500		
a	Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2016		14.800	14.800		
1	Mở rộng, nâng cấp đường đến khu du lịch Ninh Chữ-Bình Sơn (đường Trường Chinh)	UBND thành phố PR-TC	14.800	14.800		
<i>b</i>	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2017</i>		6.700	6.700		
2	ĐA Đường đi bộ ven biển khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	6.700	6.700		
<i>c</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
3	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải	Sở Văn hóa thể thao và du lịch				
IX	Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin					
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					
1	Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin tỉnh Ninh Thuận	Sở Thông tin truyền thông				
X	Chương trình hỗ trợ quốc phòng, an ninh		27.000	27.000		
	<i>Chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>					
1	Dự án rà phá bom mìn vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh	BCH Quân sự tỉnh	27.000	27.000		
XI	Chương trình mục tiêu hỗ trợ giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		1.800	1.800		
	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2017</i>		1.800	1.800		
1	Trường DTNT Ninh Phước	Sở Giáo dục - Đào tạo	1.800	1.800		
XII	Chương trình Hỗ trợ phát triển hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội					
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm cai nghiện bắt buộc thành trung tâm cai nghiện tổng hợp đa chức năng	Sở Lao động, Thương binh và xã hội				
XIII	Đối ứng các dự án ODA		681.391	187.700	493.691	
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016</i>		59.052	42.600	16.452	
1	Dự án hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ (5 hồ chức nước Trà Co, Cho Mo, Bầu Zôn, Phước Trung, Phước Nhơn)	BQL dự án ngành Nông nghiệp	14.800		14.800	
2	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung: - Kênh chính Nam HTTL Nha Trinh - Lâm Cẩm - Kênh chính Bắc HTTL Nha Trinh - Lâm Cẩm	BQL dự án ngành Nông nghiệp	10.000	10.000		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
3	Dự án Nâng cao năng lực quản lý nguồn nước, dịch vụ công và CCHC tỉnh NT: - Hợp phần NCNL & QLNN, CCHC - HT cấp nước sinh hoạt cho 75.000 dân huyện Ninh Hải - Hệ thống thoát nước thị trấn Khánh Hải và Phước Dân. - Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	33.833	32.600	1.233	
4	Dự án Trường Trung cấp Y tế	Sở Y tế	419		419	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017		516.048	145.100	370.948	
5	Dự án phát triển nông nghiệp bền vững (Hỗ trợ tam nông tỉnh Ninh Thuận)	Ban điều phối Hỗ trợ Tam Nông	81.948	13.600	68.348	
6	Nâng cấp dê bờ bắc Sông Dinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	137.800	67.800	70.000	
7	Dự án quản lý nguồn nước tổng hợp và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	88.300	27.700	60.600	
8	Trường trung cấp nghề tỉnh Ninh Thuận	Trường Cao đẳng nghề	153.000	15.000	138.000	
9	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	21.000	21.000		
10	Dự án hỗ trợ bệnh viện tỉnh, vùng (Thiết bị bệnh viện tỉnh Ninh Thuận)	Bệnh viện đa khoa tỉnh	15.000		15.000	
11	Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19.000		19.000	
	Khởi công mới		106.291		106.291	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
12	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung - Khoản vay bổ sung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
13	Hệ thống thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước				
14	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước				
15	Đê sông Phú Thọ (chương trình ứng phó BĐKH và tăng trưởng xanh)					
16	Dự án Phát triển đô thị bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tại các thành phố của 3 tỉnh					
17	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu (chương trình ứng phó BĐKH và tăng trưởng xanh)					
18	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh, nước sạch nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - WB3					
19	Dự án cơ sở hạ tầng huyện Ninh Hải và Ninh Sơn (OFID)					
20	Dự án Quản lý thiên tai tại WB5 bổ sung tiêu dự án Nâng cấp, mở rộng Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ, Cà Ná					
21	Dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Ninh Thuận" (11 hồ chứa) - WB8					
22	Dự án phát triển nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (chương trình đang triển khai, đề nghị bổ sung tỉnh Ninh Thuận)					
23	Dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMT)					

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
24	Dự án Quản lý tổng hợp nước, đất và dinh dưỡng cho các hệ thống canh tác bền vững ở vùng duyên hải Nam Trung bộ và Ôt-xtrây-li-a					
25	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Ninh Thuận nhằm ứng phó với BĐKH (AFD)					
26	Dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)					
27	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (kể cả đầu tư các chuyên khoa tim mạch, ung bướu và khoa y học hạt nhân đạt chuẩn quốc tế)					
28	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán do ADB tài trợ					

Phụ lục IV

**BIỂU KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số ~~56~~ 2016/NQ-HĐND ngày ~~24~~ 12 2016 của HĐND Tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016- 2020	Ghi chú
	Tổng số		443.491	
I	Chương trình Xây dựng Nông thôn mới		190.980	
a	Thanh toán công trình hoàn thành		350	Công trình hoàn thành chưa quyết toán bố trí đến 95%
	Trường TH Thành Hai 1	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	112	
	Trường TH Thành Hai 2	-nt-	238	
b	Khởi công mới		190.630	
	Tổng số 168 công trình, trong đó: năm 2016: 44 công trình, giai đoạn 2017-2020: 124 công trình.(hiện nay các Bộ KH&ĐT, BTC, Bộ NN&PTNT đang thẩm định báo cáo chủ trương đầu tư)	7 huyện, Thành phố	190.630	
1	Huyện Bắc Ái (53CT, năm 2016: 9CT)		63.660	
2	Huyện Ninh Sơn (26 CT, năm 2016: 7CT)		25.936	
3	Huyện Thuận Bắc (24CT, năm 2016: 6CT)		28.293	
4	Huyện Ninh Hải (13CT, năm 2016: 5CT)		18.862	
5	Huyện Ninh Phước (21CT, năm 2016: 8CT)		23.578	
6	Huyện Thuận Nam (28CT, năm 2016: 8CT)		28.293	
7	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (3CT, năm 2016: 1CT)		2.008	
II	Chương trình Giảm nghèo bền vững		252.511	
a	Thanh toán công trình hoàn thành		52.541	Công trình hoàn thành có quyết toán bố trí 100%, chưa quyết toán bố trí đến 95%
a1	<i>Huyện nghèo 30a</i>		<i>35.973</i>	
1	Đường giao thông đi khu sản xuất đồng 21 8 xã Phước Tiến	UBND huyện Bắc Ái	469	QT
2	Xây dựng Cầu thôn Hành Rạc 1 xã Phước Bình	-nt-	9.526	QT
3	Sửa chữa 02 trục đường chính trung tâm huyện	-nt-	131	QT
4	Đường dây hạ áp cấp điện cho thôn Tham Dú xã Phước Trung, huyện Bắc Ái	-nt-	88	QT
5	Xây dựng đường dây trung hạ áp và trạm biến áp 25KVA, thôn Suối Rớ, xã Phước Chính	-nt-	108	QT
6	Đường vào khu sản xuất Suối Rớ, xã Phước Chính	-nt-	566	QT
7	Xây dựng tường rào khu nội trú Trường THPT Bắc Ái	-nt-	101	QT

sc

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016- 2020	Ghi chú
8	Mở rộng kênh mương cấp 2, 3 thuộc hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Sông Sắt xã Phước Đại	-nt-	668	QT
9	Kiên cố hoá Kênh mương nội đồng hệ thống thủy lợi Trà Co xã Phước Tiến	-nt-	1.057	QT
10	Hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Bạc Rây I, xã Phước Bình	-nt-	1.200	QT
11	Đường giao thông liên xã Phước Tân đi Phước Hòa	-nt-	811	QT
12	Xây dựng mới 02 phòng học mẫu giáo thôn Đá Trắng xã Phước Tân	-nt-	285	QT
13	Mở rộng kênh mương nội đồng hệ thống đập A Nhặng thôn Ma Lâm xã Phước Tân	-nt-	1.217	QT
14	Nâng cấp trục đường A7-C8 (QL27B) Trung Tâm huyện	-nt-	256	QT
15	Xây dựng đường dây trung hạ áp và trạm biến áp 25K VA, thôn Ma Rớ, xã Phước Thành	-nt-	114	QT
16	Xây dựng đường dây trung hạ áp và trạm biến áp 25K VA, thôn Ma Lâm, xã Phước Tân	-nt-	71	QT
17	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Suối Rua xã Phước Tiến	-nt-	1.390	QT
18	Sửa chữa Trạm y tế xã Phước Trung	-nt-	17	QT
19	Mở rộng kênh cấp 2,3 thuộc hệ thống thủy lợi hồ Sông Sắt cấp cho thôn Tà Lú 3, xã Phước Đại	-nt-	843	QT
20	Đường GT đi KSX đồng Cây Sanh xã P. Trung	-nt-	33	QT
21	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt tự chảy Gia E xã Phước Bình	-nt-	2.485	
22	Đường nội bộ thôn Bạc Rây I xã Phước Bình (nâng cấp)	-nt-	150	
23	Nâng cấp đường giao thông Thâm Dú-Đồng Dầy xã Phước Trung	-nt-	460	
24	Mở rộng kênh tưới đập thủy lợi Hoóc Rong xã Phước Trung	-nt-	470	
25	Hệ thống thoát dọc các trục đường chính TĐC Phước Thắng	-nt-	330	
26	Đoạn nối thiếp cuối đường đi thôn Ma Lâm xã Phước Tân	-nt-	735	
27	Xây dựng cầu Suối Rớ xã Phước Chính	-nt-	585	
28	Sân vườn, đường nội bộ Trường DTNT Pi Năng Tác	-nt-	320	
29	Nhà công vụ giáo viên Trường mẫu giáo Phước Bình	-nt-	275	
30	Nhà công vụ giáo viên Trường TH Phước Bình C	-nt-	230	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016- 2020	Ghi chú
31	Nhà công vụ giáo viên Trường TH Phước Thành B	-nt-	125	
32	Nhà ở cho học sinh bán trú THCS Đinh Bộ Lĩnh	-nt-	540	
33	Xây dựng Trường TH Phước Bình C	-nt-	175	
34	Nâng cấp đường QL27B đi thôn Suối Rua xã Phước Tiến	-nt-	722	
35	Khu hiệu bộ Trường THCS Ngô Quyền	-nt-	290	
36	Khu hiệu bộ Trường TH Phước Đại B	-nt-	300	
37	Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng Phước Trung	-nt-	290	
38	Đường giao thông nông thôn thôn Tà Lú 2 xã Phước Đại	-nt-	200	
39	Cổng, tường rào ngăn của Trường tiểu học Phước Tiến A và Trường THCS Ngô	-nt-	230	
40	XD hệ thống kênh cấp 2, 3 HTTL Sông Sắt	-nt-	6.260	
41	Mở rộng kênh cấp 2.3 Hồ sông sắt cấp cho khu vực đất sản xuất dọc theo Sông Trà Co, xã Phước Tiến	-nt-	1.850	
a2	Xã bãi ngang		1.136	
42	Bê tông tuyến đường từ Đồng Đình đi Tà Lây, xã Phước Hải	UBND huyện Ninh Phước	168	QT
43	Bê tông tuyến đường Im dưới, xã Phước Hải	-nt-	925	QT
44	Công tường rào Trạm y tế Phước Dinh	UBND huyện Thuận Nam	43	QT
a3	Chương trình 135		7.636	
45	Đường giao thông nội đồng khu sản xuất xã Phước Chính	UBND huyện Bắc Ái	429	QT
46	Trường nẫu giáo Phước Hòa	-nt-	26	QT
47	Đường giao thông thôn Gia E đi Hành Rạc P.Bình	-nt-	33	QT
48	XD lớp học 3 phòng trường MG Phước Thắng	-nt-	564	QT
49	SC bổ sung tuyến cấp nước SH thuộc thôn Halaha khu vực TĐC xã Phước Thắng	-nt-	584	QT
50	XD cầu treo Sông Sắt đi qua khu SX xã P.Thắng	-nt-	70	QT
51	Đường GT kéo dài đi khu sản xuất thôn Suối Ró xã P.Chính	-nt-	568	QT
52	Đường GT nối dài đường 21/8 đi khu sản xuất dọc theo hệ thống Sông Trà co	-nt-	701	QT
53	Xây dựng đường dây trung hạ áp và trạm biến áp 25KVA, thôn Ma Oai, xã Phước Thắng	-nt-	48	QT
54	Xây dựng đường dây trung hạ áp và trạm biến áp 50KVA, thôn Bạc Rây I, xã Phước Bình	-nt-	69	QT
55	Xây dựng đường dây trung hạ áp và trạm biến áp 25KVA, Khu E, xã Phước Đại	-nt-	24	QT

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
56	Bê tông đường từ công cũ đến giáp đường lên nghĩa trang thôn Tà Dương, xã Phước Thái	UBND huyện Ninh Phước	180	QT
57	Hạ tầng khu khai hoang đất ở xã Phước Hà	UBND huyện Thuận Nam	69	QT
58	Kênh mương và Tân Hòa Nam 1 thôn Kô	-nt-	164	QT
59	Sửa chữa, nâng cấp tường rào các nhà cộng đồng và phân trạm y tế 02 thôn Cầu Gãy, Đá Hang xã Vĩnh Hải	UBND huyện Ninh Hải	173	QT
60	Bê tông hóa đường giao thông thôn Láng Ngựa xã Nhơn Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	867	QT
61	Nâng cấp đường Núi Ngõng đi Lương tri	-nt-	1.427	QT
62	Trường mẫu giáo thôn Mỹ Hiệp	-nt-	200	QT
63	Mở rộng kênh cấp 2,3 (Nhánh N13-11) cấp cho thôn Ma Oai xã Phước Thắng	UBND huyện Bác Ái	920	
64	Sân vườn Trường tiểu học Phước Hòa	-nt-	10	
65	Sân vườn Trường mẫu giáo Phước Hòa	-nt-	15	
66	Sân vườn Trạm y tế xã Phước Chính	-nt-	10	
67	Đường nội bộ khu TĐC thôn Ma Ty xã Phước Tân	-nt-	20	
68	Điện trung hạ thế khu TĐC nhà ở 167 thôn Ma Ty	-nt-	15	
69	Bê tông hóa tuyến đường liên thôn từ UBND xã Lương Sơn đi thôn Tân Lập 2	-nt-	450	
70	Thanh toán các công trình hoàn thành khi có quyết toán		7.796	
b	Dự án chuyển tiếp		22.900	
b1	Huyện nghèo 30a		11.450	
1	Đường giao thông đi Khu sản xuất Ma Rớ, Phước Thành	UBND huyện Bác Ái	7.450	
2	Đường từ ngã ba Phước Chính đi qua khu sản xuất Sông Sát xã Phước Thắng	-nt-	4.000	
b2	Chương trình 135		11.450	
3	Xây dựng cầu kết hợp tràn từ thôn Đá bàn đi thôn Suối Rùa	UBND huyện Bác Ái	2.600	
4	Đường GT đi Khu sản xuất Ma Rớ, Phước Thành (giai đoạn 2)	-nt-	5.200	
5	Nâng cấp đập và kiên cố kênh mương hệ thống thủy lợi Gia Nghèo xã Phước Bình	-nt-	3.650	
c	Dự án khởi công mới		177.070	
c1	Huyện nghèo 30a		94.070	Tiếp tục rà soát danh mục các dự án giáo dục, nhà làm việc, nhà văn hóa thôn để đưa vào kế hoạch hàng năm đối với các dự án thật sự bức xúc
1	Đường giao thông thôn Tà Lú 1 đi khu sản xuất Suối Ngòi	UBND huyện Bác Ái	2.340	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
2	Nối dài đường giao thông đi khu sản xuất thôn Suối Rùa xã Phước Tiến	-nt-	4.550	
3	Đường giao thông nông thôn, thôn Trà Co 1 xã Phước Tiến	-nt-	1.900	
4	Làm mới đường nội bộ khu vực dân cư thôn Đồng Dây 2, Đồng Dây 3 xã Phước Trung	-nt-	2.760	
5	Đường giao thông nội đồng xã Phước Thắng	-nt-	1.900	
6	Đường nội đồng thôn ra khu sản xuất Chà Đung	-nt-	1.900	
7	Đường trục thôn, liên thôn xã Phước Thắng	-nt-	6.360	
8	Nâng cấp các trục đường nội bộ khu TĐC Ma Ty xã Phước Tân	-nt-	1.900	
9	Mở rộng HTTL hồ Sông Sắt cấp cho xã Phước Đại	-nt-	4.750	
10	Mở rộng hệ thống kênh mương nội đồng xã Phước Thắng	-nt-	3.800	
11	Kênh mương nội đồng xã Phước Chính, xã Phước Trung	-nt-	2.850	
12	Kênh mương nội đồng xã Phước Tiến, xã Phước Tân	-nt-	2.850	
13	Xây mới Trạm y tế xã Phước Hòa	-nt-	3.330	
14	Trạm y tế xã Phước Tân	-nt-	3.330	
15	Trạm y tế xã Phước Thắng	-nt-	3.330	
16	Trạm y tế xã Phước Tiến	-nt-	3.330	
17	Xây dựng các phòng học trường mẫu giáo Phước Bình	-nt-	1.900	
18	Xây mới 03 nhà đa năng trường THCS Lê Lợi; trường THCS Trần Phú và Trường TH Phước Đại B	-nt-	4.280	
19	Xây mới nhà cộng vụ cho trường THCS Võ Thị Sáu và khu hiệu bộ và phòng chức năng Trường MG Phước Hòa	-nt-	1.900	
20	Xây dựng 02 phòng bộ môn + bê tông sân vườn trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	-nt-	1.900	
21	Khối hiệu bộ và các phòng chức năng Trường TH Phước Bình A, Phước Bình B, Phước Bình C	-nt-	4.850	
22	Khối hiệu bộ và các phòng chức năng Trường TH Phước Trung B, Trường TH Ma Lâm, Trường TH Suối Rùa	-nt-	4.850	
23	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước sinh hoạt Gia Ê đến 02 khu tái định cư và thôn Bồ Lang	-nt-	5.230	
24	Điện trung hạ thế tại 04 xã: Phước Tân, Phước Chính, Phước Thắng, Phước Trung	-nt-	3.050	
25	Xây dựng 02 nhà làm việc tổ công tác 30a xã Phước Tiến và xã Phước Bình	-nt-	1.900	
26	Xây dựng 05 Nhà văn hóa thôn xã Phước Tiến	-nt-	2.380	
27	Xây dựng 04 Nhà văn hóa thôn xã Phước Bình; xã Phước Hòa và xã Phước Tân	-nt-	1.900	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016- 2020	Ghi chú
28	Xây dựng Chợ Phước Bình	-nt-	1.900	
29	Xây dựng 04 nhà văn hóa thôn xã Phước Thành, xã Phước Chính, xã Phước Trung	-nt-	1.900	
30	Xây dựng 04 nhà làm việc tổ công tác 30a tại các xã Phước Tân, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Trung	-nt-	3.050	
31	Nâng cấp tôn tạo Đền Tà Lú Phước Đại	-nt-	1.900	
c2	Xã bãi ngang		7.780	
32	Bê tông tuyến đường giao thông nội đồng từ đường 710 đến đập T8 cũ (HM: Nền và mặt đường, công trình trên tuyến)	UBND huyện Ninh Phước	1.330	
33	Bê tông hóa tuyến đường từ Mỹ Nghiệp - Từ Tâm đi khu sản xuất rau sạch	-nt-	950	
34	Bê tông đường giao thông nội thôn từ Nguyễn Dựng đến Trịnh Văn Tâm, thôn Từ Tâm, xã Phước Hải	-nt-	1.180	
35	Bê tông hóa đường giao thông nội thôn Sơn Hải 1 (giai đoạn 2), xã Phước Dinh	UBND huyện Thuận Nam	2.560	
36	Đường giao thông nội bộ thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh	-nt-	1.760	
c3	Chương trình 135		63.820	
37	Nối dài tuyến đường giao thông từ thôn Ma Hoa đến khu sản xuất nội đồng kênh chính Bắc xã Phước Đại	UBND huyện Bắc Ái	1.430	
38	Xây dựng đường giao thông nội đồng từ nhà cộng đồng thôn Ma Hoa đi kênh chính Bắc	-nt-	1.430	
39	Đường giao thông đi khu sản xuất nối dài khu Trà Co 1 dọc theo Sông Trà Co xã Phước Trung	-nt-	1.320	
40	Đường giao thông từ thôn Rã Giữa đi khu sản xuất đập Hoc Roong xã Phước Trung	-nt-	1.700	
41	Nối dài đường Rã Giữa đi đập Cây Sung xã Phước Trung	-nt-	1.150	
42	Đường giao thông từ thôn Tham Dú đi khu sản xuất hồ Phước Nhơn xã Phước Trung	-nt-	950	
43	Nâng cấp đường giao thông đi khu sản xuất Núi Rây xã Phước Chính	-nt-	950	
44	Đường giao thông nội đồng thôn Suối Khô xã Phước Chính	-nt-	1.330	
45	Đường nội đồng vào khu sản xuất suối lười Mầu thuộc khu vực đất sản xuất năm 2007 xã Phước Tân	-nt-	1.520	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
46	Đường bê tông liên thôn Ma Ty Đá Trắng khu vực sau trường học Nguyễn Văn Linh	-nt-	950	
47	Đường giao thông nội bộ xã Phước Tân	-nt-	1.140	
48	Xây dựng hệ thống kênh mương nhánh 2 nội đồng Chà Panh	-nt-	1.330	
49	Đường giao thông đi khu sản xuất Gia Non, thôn Hành Rạc I (tuyến 8) xã Phước Bình	-nt-	1.240	
50	Xây dựng phòng học (thôn Núi Rây) Trường mẫu giáo Phước Chính	-nt-	1.140	
51	Công tường rào, sân vườn và nhà vệ sinh trường Tiểu học Phước Hòa	-nt-	1.430	
52	Xây mới nhà đa năng cho trường Tiểu học Phước Hòa	-nt-	1.430	
53	Xây mới nhà đa năng và phòng chức năng Trường Tiểu học Phước Thắng	-nt-	1.710	
54	Điện 3 pha khu chế biến nông sản Trung Tâm xã Phước Tiến	-nt-	950	
55	Nâng cấp, mở rộng chợ Phước Đại	-nt-	1.430	
56	Bê tông đường giao thông nội thôn Liên Sơn 2 (giai đoạn 2), xã Phước Vinh	UBND huyện Ninh Phước	810	
57	Bê tông đường giao thông thôn Tà Dương, xã Phước Thái	-nt-	810	
58	Bê tông hóa kênh mương đá Tân Hạ, xã Phước Hà	UBND huyện Thuận Nam	880	
59	Khởi hiệu bộ Trường tiểu học Trà Nô, xã Phước Hà	-nt-	3.180	
60	Xây dựng hệ thống kênh mương tự chảy 02 thôn Cầu Gậy và Đá Hang	UBND huyện Ninh Hải	500	
61	Xây dựng Cổng trảng đoạn qua Hồ nước ngọt lên Ruộng thôn đá Hang	-nt-	500	
62	Nâng cấp bê tông hóa đường nội đồng thôn Cầu Gậy (đoạn quy hoạch khu chăn nuôi), xã Vĩnh Hải	-nt-	580	
63	Đường ra hồ Ba Chi, xã Phước Chiến	UBND huyện Thuận Bắc	950	
64	Đường giao thông nội thôn Xóm Bằng	-nt-	920	
65	Đường giao thông thôn Đá Mài Trên	-nt-	950	
66	Bê tông hóa đường GTNT thôn Ấn Đạt (đoạn từ nhà ông Tapur Tâm đến nhà ông Nguyễn Hiếu).	-nt-	380	
67	Bê tông hóa GTNT xã Phước Chiến	-nt-	3.420	
68	Nhà văn hoá các thôn xã Phước Kháng (đá mài trên, đá liệt, cầu đá)	-nt-	2.280	
69	Đường giao thông Suối Le	-nt-	1.140	
70	Nhà văn hoá các thôn xã Bắc Sơn (Xóm bằng, Bình nghĩa)	-nt-	1.520	
71	Đường giao thông nội đồng Bình Nghĩa từ rẫy ông Chắt đến Bầu Tàu	-nt-	1.520	
72	Kiên cố hóa bờ bưng Bầu Tre nội đồng thôn Láng Me	-nt-	950	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
73	Kiên cố hoá kênh mương cánh đồng cung thôn Suối Đá, N4.2 đồng Rẫy Sờ Thôn Ân Đạt	-nt-	1.370	
74	Bê tông hoá các tuyến kênh nội đồng thôn Trà Giang 4, xã Lương Sơn	UBND huyện Ninh Sơn	1.570	
75	Bê tông hoá các tuyến kênh thôn Lập Lá, xã Lâm Sơn	-nt-	1.770	
76	Đầu tư 03 phòng học mẫu giáo thôn Lương Giang, xã Quảng Sơn	-nt-	950	
77	Dự án Bê tông hóa các tuyến giao thông thôn Mỹ Hiệp	-nt-	1.180	
78	Dự án Sửa chữa HT thủy lợi xã Ma Nới	-nt-	1.970	
79	Dự án Đầu tư xây dựng chợ Ma Nới	-nt-	1.970	
80	Dự án Nâng cấp đường giao thông thôn Gòn - Lập Lá (GD3)	-nt-	1.700	
81	Dự án Bê tông hóa các tuyến đường giao thông xã Hòa Sơn	-nt-	2.950	
82	Dự án Nâng cấp chợ trung tâm cụm xã Hòa Sơn	-nt-	1.530	
83	Dự án đầu tư phát triển hạ tầng kênh mương, đường giao thông và nước sinh hoạt trên địa bàn huyện (gồm các tuyến)	-nt-	1.040	
	+ Tuyến kênh nội đồng thôn Trà Giang 2	-nt-	150	
	+ Tuyến nước sinh hoạt thôn Nha Húi	-nt-	390	
	+ Tuyến đường giao thông xã Ma Nới	-nt-	500	
84	Các dự án khác được các Bộ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn		11.400	

Phụ lục V

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 của HĐND Tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	400.000	
I	Giao các huyện, thành phố đầu tư kiên cố hóa kênh mương cấp 3, giao thông nông thôn	320.000	
a	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	36.600	Khởi công mới
b	Huyện Ninh Hải	48.800	
b.1	Thanh toán công trình hoàn thành	916	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>562</i>	
1	Kiên cố hóa kênh mương từ bệnh viện huyện ra Đầm Nại	390	
2	Kiên cố hóa kênh mương Bờ bạn Than Giang	172	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>354</i>	
3	Đường giao thông nông thôn xã Tân Hải	100	
4	Đường giao thông nông thôn xã Phương Hải	149	
5	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Hải	105	
b.2	Công trình chuyển tiếp	6.012	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>6.012</i>	
6	Đường giao thông nội đồng xã Phương Hải	3.925	
7	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tri Hải	2.087	
b.3	Khởi công mới	41.872	
c	Huyện Ninh Phước	48.800	
c.1	Thanh toán công trình hoàn thành	344	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>179</i>	
1	Kiên cố hóa kênh mương Lồi, xã Phước Hải	179	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>165</i>	
2	Bê tông đường giao thông thôn La Chũ từ Km1+400 (đường Mông Đức-Phước Hà) đến chợ La Chũ	10	
3	Bê tông đường giao thông nội thôn Liên Sơn 2, xã Phước Vinh năm 2014.	78	
4	Bê tông đường giao thông nội thôn Bảo Vinh, xã Phước Vinh năm 2014.	77	
c.2	Công trình chuyển tiếp	15.330	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>11.900</i>	
5	Hệ thống mương tiêu Hóc Rọ	4.000	

STT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020	Ghi chú
6	Kiên cố hóa kênh tiêu T8 cũ, xã Phước Hải	3.900	
7	Kiên cố hóa kênh mương Bầu	4.000	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>3.430</i>	
8	Bê tông tuyến đường từ cổng làng thôn Hiệp Hòa đến Trang Trại nho Ba Mọi	220	
9	Bê tông tuyến đường giao thông Từ Tâm - Hòa Thủy	2.500	
10	Đường vào Trường mẫu giáo đến giáp đường bê tông nội thôn Chát Thường	310	
11	Bê tông đường nội đồng từ Đường 708 đi Gò Sân đội 9, thôn Ninh Quý 2	400	
c.3	Khởi công mới	33.126	
d	Huyện Ninh Sơn	42.700	
d.1	Công trình chuyển tiếp	5.099	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>862</i>	
1	Nâng cấp kênh Bà Triều, xã Nhơn Sơn	820	
2	Bê tông hoá kênh mương nội đồng N3-2, xã Lương Sơn	42	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>4.237</i>	
3	Nâng cấp đường Núi Ngõng đi Lương Tri, xã Nhơn Sơn (giai đoạn 2)	800	
4	Bê tông hoá các tuyến đường nội thôn Trà Giang 4 - Tuyến 2	478	
5	Đường giao thông nội đồng thôn Trà Giang 2 - 3, xã Lương Sơn	570	
6	Đường nội bộ sau chợ Quảng Sơn, thôn Triệu Phong 1	360	
7	Đường giao thông nội đồng tổ Năm Nùng, Thôn Phú Thạnh, xã Mỹ Sơn	529	
8	Đường nội bộ Mạc Đình Chi, khu phố 6	193	
9	Đường nội bộ Trần Văn Ly, khu phố 7	192	
10	Nâng cấp đường giao thông tuyến đường Lê Lợi - Trường Chinh - Huỳnh Thúc Kháng	319	
11	Đường nội bộ thôn Láng Ngựa, xã Nhơn Sơn	64	
12	Đường nội bộ thôn Núi Ngõng, xã Nhơn Sơn	210	
13	Bê tông hoá tuyến đường liên thôn từ UBND xã Lương Sơn đi thôn Tân Lập 2, xã Lương Sơn	522	
d.2	Khởi công mới	37.601	
e	Huyện Bác Ái	54.900	
e.1	Thanh toán công trình hoàn thành	8.175	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>3.300</i>	

STT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020	Ghi chú
1	Gia cố kênh nhánh (N13) xã Phước Thắng Thuộc HTTL hồ chứa nước Sông Sắt	284	
2	Mở rộng kênh cấp 2, 3 HTTL Sông Sắt cấp cho thôn Tà Lú 3, P.Đại	1.690	
3	Mở rộng kênh nhánh N1-2 thuộc HTTL Trà Co cấp cho KV nam Trà Co 2 xã Phước Tiến	1.326	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>4.875</i>	
4	Đường giao thông đi khu sản xuất Chà Là 2 Núi Rây xã Phước Chính đi qua KSX thôn Tà Lú 3 xã Phước Đại	1.014	
5	Đường giao thông đi khu sản xuất Suối Ró - Suối Khô xã Phước Chính	1.487	
6	Đường giao thông đi khu sản xuất tái định cư thôn Chà Đung Phước Thắng	190	
7	Đường giao thông nội đồng đi khu sản xuất suối Lưỡi Mẩu xã Phước Tân	216	
8	Nâng cấp đường giao thông đi khu sản xuất dọc theo HTTL hồ Sông Sắt, xã Phước Chính	1.968	
e.2	Công trình chuyển tiếp	9.011	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>6.826</i>	
9	Mở rộng kênh cấp 2, 3 Hồ Sông Sắt cấp cho KV đất SX dọc theo sông Trà Co, xã Phước Tiến	4.530	
10	Kiên cố hóa kênh mương HTTL Gia Ngheo Phước Bình thuộc dự án nâng cấp đập và KCH kênh mương HTTL Gia Ngheo Phước Bình	2.296	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>2.185</i>	
11	Đường bê tông xi măng thôn Ma Ró xã Phước Thành	2.185	
e.3	Khởi công mới	37.714	
f	Huyện Thuận Bắc	39.400	Khởi công mới
g	Huyện Thuận Nam	48.800	
g.1	Thanh toán công trình hoàn thành	44	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>44</i>	
1	Nâng cấp đường đoạn từ thôn Lạc Tân đến Trường TH Thương Dêm	44	
g.2	Công trình chuyển tiếp	940	
	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>	<i>835</i>	
2	Nhánh 1 Kênh mương Cà Vay, xã Phước Nam	90	
3	Nhánh 1 Kênh mương Miếu, xã Phước Nam	336	
4	Kênh mương Câm, xã Phước Ninh	135	
5	Kênh CT8 (nối tiếp), xã Nhị Hà	31	

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020	Ghi chú
6	Kiên cố hóa kênh mương Gió (Giai đoạn 2), xã Phước Nam	243	
	<i>Lĩnh vực Giao thông</i>	<i>105</i>	
7	Bê tông hóa các trục đường nội thôn Nho Lâm, Phước Lập, Văn Lâm 1, 2, 3 xã Phước Nam	105	
g.3	Khởi công mới	47.816	
II	Giao ngành Nông nghiệp đầu tư kiên cố hóa kênh cấp II	40.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>7.182</i>	
1	Kiên cố hóa kênh tưới Đập Đá	7.182	
	<i>Khởi công mới</i>	32.818	
2	Kiên cố hóa kênh tưới Chà Vin	13.127	
3	Kiên cố hóa kênh tưới Đập Kía	11.486	
4	Kiên cố hóa kênh N2 kênh Đông hệ thống thủy lợi Sông Pha	8.205	
III	Dự phòng 10%	40.000	

Handwritten signature